TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2023/DS-PT
Ngày: 13- 4- 2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘICHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Đặng Minh Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thúy Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 01; ngày 13 tháng 02; 13 tháng 3 và ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc N1, sinh năm 1956.

Người đại diện hợp pháp của ông N1: Bà Lưu Tuyết M1, sinh năm 1961, văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N1: Luật sư Nguyễn Văn N2 là luật sư của Văn Phòng luật sư AS & Các Luật Sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Trần Phát D1, sinh năm 1949.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Bà Lê Thị B, sinh năm 1945, văn bản ủy quyền ngày 02/12/2020 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Kim V, sinh năm 1964 (có mặt ngày 5 tháng 01 năm 2023)

3. Bà Trần Kim P1, sinh năm 1973 (có mặt ngày 13 tháng 02, 13 tháng 3 năm 2023)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Tấn P2, sinh năm 1956 (có mặt ngày 05 tháng 01 năm 2023)

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh C ..

2. Bà Trần Kim L, sinh năm 1954 (Có mặt)

3. Bà Trần Kim T1 (Tiếng), sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, Thới B, Cà M .

4. Ông Trần Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ,huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Trương Thị T2 (có mặt ngày 05 tháng 01 năm 2023)

Địa chỉ cư trú: Ấp Bào Nhàn, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Lưu Tuyết M1, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C ..

8. Bà Lê Thị B, sinh năm 1945 (có mặt ngày 05/01/2023; ngày 13/02/2023; ngày 13/3/2023).

- Người kháng cáo: ông Trần Phát D1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng người đại diện pháp của ông N1 trình bày: Cha của ông N1 là ông Trần Văn Xường khi còn sống có tạo lập một phần đất diện 63.410m^2 tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0045882 ngày 15/5/1995. Năm 1999, ông Xường chết không để lại di chúc. Vào ngày 17/7/1998, mẹ của ông N1 là bà Phạm Thị Sáu có lập tờ di chúc phân chia đất cho các con, trong đó ông N1 được chia 10 công tầm lớn đất ruộng, tương đương diện tích 12.960m^2, phần đất tọa lạc tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình. Tờ di chúc có bàn cận, kế cận ký và có xác nhận của Ban nhân dân ấp Cái Bát. Ông N1 đã nhận đất và quản lý sử dụng 10 công đất nêu trên từ năm 1998 cho đến nay nhưng chưa làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông N1 yêu cầu được tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Xường sang cho ông N1 để chuyển nhượng cho người khác thì ông Trần Phát D1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1 ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ giải quyết nhưng không thành. Vì vậy, ông N1 khởi kiện yêu cầu tòa giải quyết công nhận phần đất 10 công (tầm 3m) tương đương diện tích 12.960m^2 theo tờ di chúc ngày 17/7/1998 thuộc quyền sử dụng đất của ông N1.

Quá trình tố tụng bà Trần Kim P1 trình bày: Về nguồn gốc đất là của cha mẹ bà là ông Trần Văn Xường, bà Phạm Thị Sáu. Ông Xường đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây, cha mẹ đã giao đất cho các con sử dụng, ông N1 đã nhận đất, sử dụng cho đến nay. Ông Xường, bà Sáu qua đời không để lại di chúc. Đối với tờ di chúc ngày 17/7/1998 do ông N1 nộp bà không biết, anh em không có ký tên. Nay ông N1 yêu cầu tách giấy chứng nhận để chuyển nhượng cho người khác bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý cho ông N1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đã được cha mẹ giao, không đồng ý tách giấy chứng nhận, cũng không đồng ý việc ông N1 chuyển nhượng cho người khác.

Phần đất của bà và bà Trần Kim T1g được cha mẹ cho chung, chưa chia ra. Trong lúc hoàn cảnh túng thiếu bà đã chuyển nhượng cho vợ ông C và bà D2 02 công, giá chuyển nhượng 16.000.000 đồng/công. Bà đã nhận đủ 32.000.000 đồng và đã giao 02 công đất cho ông C, bà D2 canh tác đã 10 năm. Bà chỉ chuyển nhượng 02 công nhưng ông C chồng bà D2 đo thêm 01 công và đã canh tác của bà 10 năm nay. Nay bà T1g yêu cầu bà chuộc lại đất để trả cho bà T1g và phân chia phần đất của bà và bà T1g ra hai phần riêng biệt.

Bà yêu cầu ông C, bà D2 trả cho bà 01 công đất và bồi thường tiền do canh tác 10 năm là 10.000.000 đồng. Yêu cầu được chuộc lại 02 công đất chuyển nhượng nói trên theo giá Nhà nước tại thời điểm hiện tại.

Trong quyền sử dụng đất của ông Xường, bà Sáu ngoài phần đất của bà P1 và bà T1g chưa phân ra, thì các con của ông Xường, bà Sáu gồm: Ông D1 quản lý một phần (diện tích không nhớ), ông Trần Tấn P2 quản lý một phần, ông Trần Ngọc N1 quản lý một phần, bà Trần Kim V quản lý một phần, Trần Kim L quản lý một phần (diện tích mỗi phần bà không nhớ rỏ). Phần của bà L đã chuyển nhượng.

Về mặt thực tế sử dụng đất thì phần đất của các con ông Xường, bà Sáu ai quản lý thì có đào bờ phân định ra riêng nhưng về giấy tờ thì chưa chia. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Xường bản chính hiện nay bà D2, ông C đang quản lý. Bà yêu cầu khi nào có tiền chuộc lại đất từ bà D2 thì mới tiến hành phân chia, hiện tại là không yêu cầu phân chia. Nếu sau này có phân chia thì giữ nguyên hiện trạng đất của từng người đang quản lý, sử dụng, bà không yêu cầu phân chia thêm.

Lúc bà L bán đất bà không có ngăn cản vì bán chung một lượt với bà. Việc lập di chúc để vay tiền bà không biết vì không ai nói cho bà hay nhưng vào thời điểm này bà có cùng với bà V, bà L vay tiền. Do phần đất chưa chuộc nên bà không đồng ý cho ai vào cuốc.

Quá trình tố tụng bà Lê Thị B trình bày: Trong quyền sử dụng đất của ông Xường, bà Sáu ngoài phần đất của bà P1 và bà T1g chưa phân chia ra, thì các con

của ông Xường, bà Sáu còn lại đều có phân định riêng mỗi người một phần đất, cụ thể: Ông Xường cho ông D1 quản lý, canh tác từ năm 1990 đến nay (diện tích không nhớ). Khoảng năm 2006 bà Sáu cho ông Trần Tấn P2, ông Trần Ngọc N1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim L mỗi người quản lý một phần, cho bằng lời nói không có giấy tờ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Bà L với bà P1 chuyển nhượng đất nói trên vợ chồng bà không hay. Việc chuyển nhượng đất của người nào thì người đó tự chuyển nhượng vợ chồng bà không có ý kiến. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Xường bản chính hiện nay bà D2, ông C đang quản lý nên bà yêu cầu giao lại cho bà quản lý. Năm 1990, ông N1 chưa có gia đình, ông Xường kêu ông N1 đo cho ông D1 10 công. Phần di chúc của bà Sáu thì ông D1 không có ký. Nếu chia được thì chia theo hiện trạng đất của từng người đang quản lý, sử dụng, bà không yêu cầu phân chia thêm.

Quá trình tố tụng bà Trần Kim V trình bày: Tờ di chúc của bà Sáu chị em bà không biết và không có ký tên. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N1 trình bày có sự mâu thuẫn ở chỗ ban đầu tờ di chúc của bà Sáu để lại không được sang nhượng nhưng lúc sau đọc lại yêu cầu được sang nhượng. Khi nào bà P1 chuộc lại phần đất cho Trần Kim T1g sau đó làm giấy hợp gia đình cùng đồng ý ký tên phân chia đất, còn bây giờ không ai được làm gì hết, bà không yêu cầu Tòa án phân chia. Trong quyền sử dụng đất của ông Xường, bà Sáu ngoài phần đất của bà P1 và bà T1g chưa phân chia ra, thì các con của ông Xường, bà Sáu còn lại đều có phân định riêng mỗi người một phần đất, cụ thể: Ông Xường cho ông D1 quản lý, canh tác từ năm 1990 đến nay (diện tích không nhớ). Khoảng năm 2006 bà Sáu cho ông Trần Tấn P2, ông Trần Ngọc N1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim L mỗi người quản lý một phần không biết diện tích bao nhiêu, cho bằng lời nói không có giấy tờ.

Tờ di chúc ngày 21/7/1998 là do bà Trần Kim V, Trần Kim P1, Trần Kim L lập để vay tiền Nhà nước, vì thời điểm này hoàn cảnh khó khăn, đất của ông Xường, bà Sáu phải làm tờ di chúc phân chia thừa kế mới vay tiền được, sau khi làm xong tờ di chúc thì bà V, bà P1, bà L được vay tiền nhà nước. Sau đó trả còn thiếu Nhà nước 2.500.000 đồng. Bà L dẫn bà D2 lên ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam bà L nói bà D2 cho mượn 2.500.000 đồng để lấy quyền sử dụng đất ra nhưng không ngờ bà L chuyển nhượng đất cho bà D2 02 công đất và bà D2 giữ quyền sử dụng đất của ông Xường đến nay, gia đình bà mất quyền mỗi khi đổi giấy tờ.

Yêu cầu bà D2 trả quyền sử dụng đất của ông Xường lại bà thống nhất trả cho bà D2 2.500.000 đồng.Trong tờ di chúc ngày 21/7/1998 chữ viết "Sáu" và chữ viết Phạm Thị Sáu dưới mục "Mẹ của các con" không biết của ai ký, bà không biết ông Ẩn và bà Nhuộm có ai ký không. Hiện ông Ẩn đã chết, bà Nhuộm còn sống đã

83 tuổi, còn minh mẫn, ông Cường còn sống, bà L đưa cho ông Cường ký. Việc cố đất, sang đất của bà L bà không biết.

Năm 2010, bà D2 và bà L có đến gặp bà và nói cho bà mượn số tiền 2.500.000 đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Xường. Sau đó cả 03 người đến Ngân hàng để trả tiền và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D2 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay.

Bà thống nhất trả cho bà D2 số tiền 2.500.000 đồng nhưng bà D2 phải đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và bà không đồng ý thanh toán lãi suất. Nếu sau này bà P1 chuộc lại đất từ bà D2 được, bà thống nhất chia theo hiện trạng thực tế của từng người đang quản lý, sử dụng đất, bà không có ý kiến gì khác.

Quá trình tố tụng bà Trần Kim L trình bày: Bà L và bà V, bà P1 vay tiền Nhà nước nhưng nếu muốn vay được thì phải làm tờ di chúc phân chia thừa kế phần đất của ông Xường và bà Sáu, nên chị em bà có làm tờ thừa kế không liên quan đến tờ di chúc ngày 21/7/98. Bà đứng ra vay tiền để 03 người cùng sử dụng, đến khi Nhà nước đòi tiền thì bà có chuyển nhượng cho bà D2 02 công, chuyển nhượng cho bà Trương Thị T2 địa chỉ ấp Bào Nhàn, xã Hồ Thị Kỷ 03 công. Phần đất của bà thì bà đã chuyển nhượng hết nên bà không yêu cầu phân chia, còn phần đất còn lại bà yêu cầu phân chia cho các chị em còn lại. Trong quyền sử dụng đất của ông Xường, các con của ông Xường mỗi người quản lý 01 phần như bà B, bà V, bà P1 trình bày nói trên. Lúc bà Sáu còn sống có bán cho bà Trương Thị T2 05 công đất, sau đó ông N1 đưa tiền cho bà chuộc lại 05 công đất, số tiền bà không nhớ. Bà đồng ý tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D2.

Bà thống nhất chia theo hiện trạng thực tế của từng người đang quản lý, sử dụng đất, bà không có ý kiến gì khác.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị D2 và ông Trần Văn C trình bày: Ngày 13/3/2010, bà P1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà 02 công đất, bà L cũng chuyển nhượng cho vợ chồng bà 02 công đất, hai bên có làm giấy tay, giá chuyển nhượng 16.000.000 đồng/công, ông bà đã thanh toán đủ và đã nhận đất cách tác khoảng 10 năm nay.

Ông bà yêu cầu bà P1 và bà L đo đạc lại phần đất đã chuyển nhượng cho bà, nếu phần đất dư ra bao nhiêu ông bà đồng ý thanh toán thêm số tiền như yêu cầu của bà P1 đặt ra. Đối với 04 công đất ông bà yêu cầu bà L và bà P1 có nghĩa vụ tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà đứng tên. Sau đó bà đồng ý cho bà L và bà P1 chuộc lại theo giá thị trường hiện nay mỗi công 100.000.000 đồng.

Bà có cho bà V mượn 2.500.000 đồng vào năm 2010, nay bà yêu cầu bà V trả lại số tiền 2.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ năm 2010 đến nay. Bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Xường, khi nào bà P1 tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà thì bà trả lại bản chính.Trong thời gian chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, bà P1 nói dư ra mà chưa đo đạc thì bà yêu cầu được cuốc đất để làm, khi nào đo dư ra thì bà trả lại cho bà P1.

Quá trình tố tụng bà Trương Thị T2 trình bày: Cách đây 20 năm ông Xường, bà Sáu có chuyển nhượng cho bà 10 công đất. Sau đó chuộc lại 05 công (chuộc bằng tiền, số tiền bao nhiêu bà không nhớ). Thời gian sau, bà L chuyển nhượng cho bà 03 công, các phần đất tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình. Bà yêu cầu bà L tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và ông C, bà D2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi của ông Trần Ngọc N1. Công nhận phần đất tranh chấp nói trên là của ông Trần Ngọc N1. Giao cho ông Trần Ngọc N1 tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất: Mặt tiền giáp kênh bà Ốc (Lung Thầy Đinh), mặt hậu giáp phần đất của bà T2, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất bà T2, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp kênh Bà Ốc (Lung Thầy Đinh), phần đất tọa lạc tại Ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Ông N1 có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Đối với yêu cầu của bà P1, bà B, bà V, ông C, bà D2, bà T2 Hội đồng xét xử tách ra thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

3. Chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Phát D1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Ngọc N1 số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp chậm trả thì ông D1, bà V, bà P1 phải chịu lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/8/2022, bà Trần Kim P1, bà Trần Kim V, ông Trần Phát D1 có nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Thới Bình để xét xử lại và chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà: ngày 05, 06 tháng 01 năm 2023 bà V, bà B có mặt; tại phiên tòa ngày 13/02 và 13/3 bà B, bà P1 có mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận: Bà M1 yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận phần đất tranh chấp là của ông N1 để ông N1 làm thủ tục chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trị bệnh.

Bà B, bà P1, bà V vắng mặt. Các đương sự khác không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông D1, bà P1, bà V, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, công nhận phần đất cho ông N1 theo diện tích đo đạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông N1 yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 10 công tương đương 12.960m^2 tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, là của ông N1 để ông N1 làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất. Án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N1 nên ông D1, bà V, bà P1 kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông D1, bà P1, bà V, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất các đương sự đang tranh chấp thuộc một phần của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Xường đứng tên tổng diện tích 63.410m^2.

[2.1] Ông Xường, bà Sáu có con chung gồm: Ông D1, ông P2, ông N1, bà L, bà V, bà P1, bà T1g (Tiến).

[2.2] ông Xường, bà Sáu có phần đất diện tích 63.410m^2 do ông Trần Văn Xường đứng tên. Năm 1999, ông Xường chết, không để lại di chúc. Ngày 21/7/1998, bà Sáu có lập tờ di chúc chia đất cho các con của bà Sáu gồm: Theo di chúc ông Trần Phát D1 là con lớn được chia 6 công, ông Trần Ngọc N1 05 công, Trần Văn Phát 05 công, còn lại Trần Kim L, Trần Kim Tuyến, Trần Kim V, Trần Kim P1 mỗi người 04 công, phần còn lại là lá và vườn là phần của bà Sáu. Ngoài phần đất được chia thì ông N1 được nhận thêm 05 công đất do bà Sáu thế chấp cho người khác, ông N1 đã đưa tiền chuộc về, đều thể hiện trong di chúc do bà Sáu ký tên. Tổng cộng cho ông N1 được canh tác là 10 công tầm lớn.

[2.3] Sau khi được cho đất thì các anh em của ông N1 nhận đất quản lý sử dụng ổn định và có bờ bao xung quanh tách ra riêng biệt của từng người. riêng phần đất của bà P1 và bà T1g thì còn sử dụng chung chưa tách ra. Ngoài ra, bà L, bà P1, bà V còn chuyển nhượng, cầm cố đất cho người khác. Nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn đứng tên cụ Xường là thực tế có xảy ra.

[3] Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các dương sự tại phiên tòa thể hiện: Bà B, bà V, bà P1, ông P2, bà L thừa nhận phần đất ông N1 đang sử dụng (phần đất tranh chấp nói trên) là của ông Xường, bà Sáu cho lại ông N1. Ông D1, bà V, bà P1 thống nhất để ông N1 sử dụng vĩnh viễn nhưng không thống nhất cho ông N1 tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cho người khác nên mới phát sinh tranh chấp. Xét thấy việc tặng cho quyền sử dụng đất là quyền của cha mẹ ông N1, sau khi tặng cho thì ông N1 có quyền quản lý sử dụng và định đoạt đối với phần đất trên. Việc bị đơn ngăn cản không cho ông N1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chuyển nhượng cho người khác là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, quyết định của bản án không có diện tích cụ thể, nguyên nhân là ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm không tiến hành đo đạc được phần đất tranh chấp do các đương sự ngăn cản. Tại cấp phúc thẩm đã khắc phục được vấn đề trên nên sửa án sơ thẩm, thêm phần diện tích đất tranh chấp cụ thể theo mãnh trích đo hiện trạng ngày 12/4/2023 của Công ty TNHH phát triển xanh Việt Nam.

[5] Đối với yêu cầu của bà P1, bà B, bà V, ông C, bà D2, bà T2, do án sơ thẩm tách ra nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí đo đạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn đồng ý chịu chi phí đo đạc ở giai đoạn phúc thẩm là 7.421.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong nên không buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: ông N1 khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất ông N1 đang quản lý thuộc quyền sử dụng của ông N1. Các bị đơn ông D1, bà V, bà P1 ngăn cản việc ông N1 làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất, án sơ thẩm buộc các bị đơn chịu án phí có giá ngạch là chưa phù hợp nên sửa án sơ thẩm buộc các bị đơn chịu án phí không giá ngạch là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí. Do ông D1 là người cao tuổi nên được miễn án phí, bà P1, bà V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Phát D1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc N1.

Công nhận phần đất diện tích 12.820,6m^{2,} có tứ cận: Mặt tiền giáp Lung bà Ốc (Lung Thầy Đinh), M2M3 dài 89,03m; M3M4 dài 63,23m; Mặt hậu giáp phần đất của bà Trương Kim Thoa M5M6 dài 142,94m; M6M1 dài 14,75m.

Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất bà T2 M4M5 dài 76,17m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp Lung Bà Ốc (Lung Thầy Đinh) M1M2 dài 82,48m, đất tọa lạc tại Ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần Ngọc N1 (Có bảng trích đo hiện trạng kèm theo)

Ông N1 có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Phát D1, bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Ngọc N1 số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông N1 tự nguyện nộp số tiền đo đạc là 7.421.000 đồng, đã nộp xong.

Trường hợp chậm trả thì ông D1, bà V, bà P1 phải chịu lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N1, ông D1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, ngày 05/7/2022, bà P1 nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015093 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu đối trừ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim V, bà Trần Kim P1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2022, bà V, bà P1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 600.000 đồng, biên lai 0015170, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào